

ĐẶC TÍNH TƯ DUY THƠ TRONG THƠ TƯỢNG TRƯNG BÍCH KHÊ

NGUYỄN THỊ MỸ HIỀN^(*)

Tóm tắt: Đầu những năm ba mươi của thế kỷ hai mươi, nền văn học Việt Nam diễn ra một cuộc vận động mới mẻ, làm xuất hiện các nhà thơ mới với tư duy và tính sáng tạo độc đáo. Trong đó, những dấu hiệu của khuynh hướng tượng trưng được coi là những cách tân, thể nghiệm táo bạo nhằm đưa lịch sử Thơ Mới tiến thêm một bước với những giá trị nghệ thuật mới. Nằm trong sự vận động đó, Bích Khê (1916-1946) được đánh giá là một trong những cây bút có tư duy cách tân mới lạ. Từ “Tình huyết” đến “Tình hoa” Bích Khê đã có những sáng tạo không mệt mỏi, một tư duy vượt thoát chính mình để tạo nên một “đỉnh núi lạ” và trở thành nhà thơ cách tân hàng đầu trong phong trào Thơ Mới (1932-1945). Nghiên cứu đặc tính tư duy thơ tượng trưng Bích Khê, tác giả đề cập đến các vấn đề như: một quan niệm thơ khác lạ, sự cách tân ngôn ngữ thơ, thuyết tương giao vạn vật, hệ thống biểu tượng,... Qua đó cho thấy, những thay đổi về tư duy thơ của Bích Khê đã góp phần đẩy lịch sử thơ ca tiến lên, mở đường cho thơ Việt Nam phát triển sang một giai đoạn mới.

Từ khóa: Đặc tính tư duy thơ; thơ tượng trưng; Bích Khê.

Abstract: In the early 30s of the 20th century, Vietnamese literature witnessed a new breeze thanks to the appearance of new poets with new ways of thinking and creativity. Symbolic poetry arose as a new genre, marking a new page in the history of poetry. Bích Khê (1916-1946) was among creative poet of symbolic poetry. From *Tình huyết* to *Tình hoa*, Bích Khê never stopped finding a way to overcome his old self to reach new peaks of creativity. As a result, he became the most innovative poet in the New poetry movement (1932-1945). His cognitive style was expressed through his view of poetry, poetic language, theory of the intersection of everything, symbol system, etc. Bích Khê's innovative cognitive style has pushed the history of poetry forward, marking a new stage in the history of Vietnamese poetry.

Keywords: Cognitive style; symbolic poetry; Bích Khê.

Ngày nhận bài: 25/5/2019; Ngày sửa bài: 22/6/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/7/2019.

1. Đặt vấn đề

Nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng, muốn phát triển được, muốn đạt tới những đỉnh cao thì cần đổi mới tư duy. Tư duy thơ là một phương thức và biểu lộ tinh cảm của con người bằng hình tượng ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, biểu tượng. Đặc tính tư duy là sự vận động, là tư tưởng, là ý thức, là sự chính kiến, là khả năng nhận thức,... Sự thay đổi, vận động của tư duy ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng nghệ

thuật. Nói đến tư duy là nói đến suy nghĩ, cách lập luận, sự vận động. Tư duy nghệ thuật là sự khôi phục và sáng tạo các biểu tượng trực quan, là sự hình tượng hóa hiện thực khách quan theo nhận thức chủ quan. Tư duy được xem như là thước đo tài năng của người nghệ sĩ.

Đa số các nhà thơ của phong trào Thơ Mới đã từng tuyên bố về quan điểm thơ

^(*) NCS. Khoa Văn học, Học viện Khoa học xã hội.

của mình một cách say sưa, mạnh mẽ: *Hàn Mặc Tử nói làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là người. Nó là Người mơ, Người say, Người điên. Nó là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu. Nó thoát ly hiện tại, ôm trùm dĩ vãng và xối trộn tương lai. Người ta không thể hiểu nó được* Chế Lan Viên-Lời tựa *Điều Tàn*). Xuân Diệu có hẳn một bài thơ có tính tuyên ngôn về thi sĩ, đó là bài *Cảm xúc: Là thi sĩ nghĩa là ru với gió/ Mơ theo trăng và vợ vẩn cùng mây*. Thế Lữ cũng có những tuyên ngôn qua sáng tác: *Tôi chỉ là một khách tình si/ Ham vẻ đẹp có muôn hình muôn vẻ* (*Cây đàn muôn điệu*). Bích Khê, dù không trực tiếp đưa ra tuyên ngôn, nhưng bằng thực hành sáng tạo, ông đã chứng tỏ một sự “vật lộn” tư duy, một quan điểm của người nghệ sĩ. Khi bàn đến thơ Bích Khê, Chế Lan Viên viết: *Nếu Nguyễn Bính là một đồng bằng thân thuộc, thì Bích Khê là một đỉnh núi lạ*. Điểm khác biệt, khác lạ ấy, phải chăng là do xuất phát từ một tư duy thơ mới mẻ mang lại, và chính sự khác biệt đó đã tạo nên một Bích Khê mãi mãi được nhắc như một đại diện của tư duy thơ, một bước nhảy trong quá trình phát triển thơ ca Việt Nam.

Bích Khê mê thơ Đường, ông sáng tác hàng trăm bài thơ Đường luật từ lúc mới mười bốn, mười lăm tuổi. Rồi từ Đường luật, Bích Khê tiếp xúc với thơ phương Tây, đặc biệt mê đắm thơ tượng trưng của Baudelaire: sau đó gặp gỡ, ảnh hưởng bởi Hàn Mặc Tử, Bích Khê đột nhiên chuyển sang thơ tượng trưng, với tâm nguyện: trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ không bao giờ làm thơ nữa. Năm 1939, Bích Khê cho ra đời tập *Tinh huyết*, và được xem là *một đóa hoa thân dị* “ta có thể sánh văn thơ của Bích Khê như một đóa hoa thân dị ấy”⁽¹⁾. Điều làm nên “thần dị” này chính là sự

gặp gỡ, kết tinh giữa hai lối tư duy thơ: thơ Đường và thơ tượng trưng phương Tây: “chàng còn mở rộng biên giới để cho ta thấy chàng là một thi sĩ Đông phương rất “tàu” mà lời thơ chàng nhuộm đầy màu sắc của các thi gia đời Đường”⁽²⁾; “ta nhận thấy văn thơ của Bích Khê nhuộm đầy máu huyết của Baudelaire...”⁽³⁾. Với tư duy và ngòi bút đặc sắc, Bích Khê đã thể hiện một cái nhìn tân kỳ, phóng khoáng về vạn vật, thể giới và con người. Sự kết tinh đó thể hiện trên nhiều phương diện, đó là sự hòa trộn trong câu thơ từ nhạc điệu, hình ảnh, màu sắc, hương vị, hệ thống biểu tượng... làm cho thơ Bích Khê “...tôi đã gặp trong *Tinh huyết* (của Bích Khê) những câu thơ hay vào loại bậc nhất trong thơ Việt Nam”⁽⁴⁾; “Bích Khê là một trong những người tiên phong đã đưa lịch sử thơ ca lên một bước mới. Thơ Bích Khê là kết quả đẹp đẽ của một tư duy nghệ thuật tích hợp, nhuần nhuyễn, tinh tế các yếu tố Đông Tây trong sáng tạo nghệ thuật. Bích Khê là một nhà thơ hy sinh toàn diện cho thơ”⁽⁵⁾.

2. Đặc tính tư duy trong thơ tượng trưng Bích Khê

2.1. Lối tư duy: lời chặt ý rộng và giàu sức gợi cảm

Đến với thơ tượng trưng, Bích Khê tìm đến một lối tư duy thơ khác lạ so với tư duy thơ lãng mạn đương thời và khác xa

⁽¹⁾ Hàn Mặc Tử (Bích Khê một trăm năm, 2016), *Bích Khê - Thi sĩ thần linh* (để tựa tập thơ *Tinh huyết*), Nxb. Hội Nhà văn, tr.225.

⁽²⁾ Hàn Mặc Tử, *Bích Khê - Thi sĩ thần linh - để tựa tập thơ Tinh huyết* (Bích Khê một trăm năm, 2016), Nxb. Hội Nhà văn, tr.231.

⁽³⁾ Hàn Mặc Tử, *Bích Khê - Thi sĩ thần linh - để tựa tập thơ Tinh huyết* (Bích Khê một trăm năm, 2016), Nxb. Hội Nhà văn, tr.226.

⁽⁴⁾ Hoài Thanh - Hoài Chân (1989) *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, tr. 228.

⁽⁵⁾ Quách Tấn, *Đời thơ Bích Khê*, (Bích Khê một trăm năm, 2016), Nxb. Hội Nhà văn, tr.297.

với tư duy thơ hiện thực. Tư duy thơ đó có phần bí ẩn, ám thị, huyền hoặc,... và không còn “ráo riết” với nghĩa, bớt đi rất nhiều sự rõ ràng, vươn tới sự gợi cảm. Lời chặt ý rộng và giàu sức gợi cảm chính là một đòi hỏi của thơ tượng trưng nói chung và của Bích Khê nói riêng, và đây cũng là cái dễ thơ kích thích suy nghĩ của người đọc, tùy theo cách tiếp nhận, quan niệm thẩm mỹ, kinh nghiệm sống, tâm trạng của mỗi người. Thẩm nhuần tư tưởng của S.Mallarmé “Thơ mãi mãi là một câu đố”, Bích Khê ý thức sau sắc và thực hiện thành công trong công cuộc tư duy đổi mới ngôn ngữ thơ. Ông chủ trương đưa thơ trở về nguồn cội, bản thể của nó, hướng tới một tứ thơ “thuần túy”: *Hồi lời ca man dại, điệu nhạc thở hơi rừng/ và đêm nay xuân lại/ Thuần túy và tượng trưng (Xuân tượng trưng)*; trong đó, ngôn ngữ mang vẻ đẹp nguyên sơ và có sức mạnh tự thân, bí nhiệm, gợi cảm. Rất nhiều trong thơ Bích Khê những câu thơ gần như mờ nghĩa, phi lý tính, hay nói cách khác, không thể đưa lý trí ra để giải thích cho rõ ràng, để tìm ra cái nghĩa hiểu theo một cách thực dụng. Bởi vì Bích Khê không chủ trương miêu tả, không chủ trương mạch lạc, không chủ trương hiện thực, không chủ trương dùng nhiều từ ngữ... mà chủ trương gây ấn tượng, đi sâu vào cõi tâm hồn, vào cõi tâm linh, vào cõi vô thức. Mỗi câu thơ hướng đến một ấn tượng... rồi từ đó đi tới cái đẹp, cái sâu thẳm bên trong. Bích Khê sử dụng nhiều đến cái trực giác của mình nên đã quên đi mọi hình ảnh cụ thể: *Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng/ Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mệnh mỏng (Tỳ bà)*. Ta không hề thấy Bích Khê nhắc đến một hình ảnh cụ thể nào, một màu sắc cụ thể nào, có chăng chỉ có hình ảnh “cây ngô đồng”, nhưng cái cây ấy đã bị bao trùm bởi nỗi buồn vương làm nhòa mất chính nó rồi, chỉ còn có ý niệm buồn. Và *Vàng rơi! Vàng*

rơi! như thấm tẩm mọi cái trực cảm cụ thể sinh động của Bích Khê. *Vàng phai nằm im ôm non gầy/ Chim yên neo mình nương xương cây/ Đây mùa hoàng hoa, mùa hoàng hoa/ Đông nam mây dùn nơi thành xa (Hoàng hoa)*. Chẳng thể nào hình dung ra cho trọn vẹn đó là “bức tranh” gì, nhưng trong cái lời chặt ý rộng đó, ta lại được tự do cảm nhận một cách rõ rệt về một hiện thực xa xôi nào đó, được hình thành bởi rất nhiều liên tưởng bởi thứ ngôn từ chặt hẹp gợi ra. *Lời truyền sóng đánh điện khắp muôn trời/ Chữ bí mật chứa ngầm bao chất nổ (Nàng bước tới)*; phải chăng, chữ bí mật mà Bích Khê muốn chinh phục là thứ chữ được sáng tạo trên cơ sở lắp ghép ngôn từ. Ông chủ trương sắp xếp các từ vốn không liên quan về nghĩa đứng cạnh nhau theo một tư duy liên tưởng, gián đoạn; từ đó, làm xuất hiện những từ mới, ý nghĩa mới, ẩn chứa, gợi ra một nguồn năng lượng có khả năng đánh thức mọi giác quan, đưa người đọc vào vòng siêu cảm mới. Chính vì lẽ đó, Hoài Thanh viết: “Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài *Duy Tân*. Tôi thấy trong đó những câu thơ thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa... Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc”⁽⁶⁾.

Thơ Bích Khê thường kín đáo, mỏng lung, khiến cho độc giả phải thăng thốt khi nhận thức được ý nghĩa sâu xa của nó. Sự gợi cảm là tính chất quan trọng nhất trong thơ tượng trưng; vì thế, Bích Khê thường không để cho độc giả đọc thơ mình đến dấu hiệu ngay đến đó, bởi chắc hẳn Bích Khê có một lối tư duy rằng, thi ca là một điệu huyền bí, là tinh túy của kí hiệu

⁽⁶⁾ Hoài Thanh - Hoài Chân (1989), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học, tr. 228.

ngôn ngữ. Thơ Bích Khê đã vượt lên khỏi cái vẻ “tâm thường” của những kiến tạo ngôn ngữ thông thường để hướng đến thế giới siêu hình của tâm linh. Vì thế, khi đọc thơ Bích Khê, độc giả cần phải mở rộng tâm linh và sức tưởng tượng để có thể tiếp nhận và cảm thụ những ý tưởng và hình ảnh tinh tế, mờ ảo, kỳ diệu nhất. Bích Khê có rất nhiều bài thơ thiên về gọi: *Tỳ bà, Nhạc, Mộng, Sắc đẹp, Bàn chân*,... ông không truyền thẳng những dữ kiện tâm linh cố định nào đó vào tâm hồn độc giả, nhưng lại gọi cho độc giả những dữ kiện trùng điệp để tự lựa chọn lấy khi có ý định tìm hiểu ý nghĩa của bài thơ. *Tỳ bà* là bài thơ điển hình của “gọi”, nó gọi không khí man mác, mờ ảo. Cái man mác, mờ ảo đó chính là yếu tố gợi cảm. *Tỳ bà* là tên gọi của một loại nhạc cụ - một loại đàn; thế nhưng, tác giả không đặc tả về cây đàn, tiếng đàn, hoặc người chơi đàn,... chúng ta chỉ thấy âm điệu bài thơ dịu êm vang lên, rồi thấp thoáng đâu đó hình ảnh một người đàn bà bị vây bủa bởi những lời say đắm, thiết tha; sự ngậm ngùi của một gã đàn ông si tình phảng phất đâu đó. Tất cả những âm thanh, hình ảnh, ngôn từ của bài thơ đều lung linh, có vẻ như rời rạc, khiến cho trí tưởng tượng của người tiếp nhận không chỉ nảy ra một giả thiết mà rất nhiều giả thiết, nhiều câu hỏi, phán đoán và sự liên tưởng được đặt ra trong tư duy và suy tưởng của độc giả.

Từ lối tư duy thơ *lời chật ý rộng* và giàu *sức gợi cảm*, bằng nhịp đập cứ mãi thao thức của một cây bút tượng trưng, Bích Khê đã nhìn thấy mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, giữa chúng luôn có một mối tương giao hoà hợp. Sự tương giao hoà hợp này được thể hiện khá rõ trong tư duy và các bài thơ của ông, nó đã làm cho hình ảnh thơ mang nhiều tầng ý nghĩa, đồng thời mang đến cho người đọc những cảm

nhận mới, những liên tưởng bất ngờ về thiên nhiên, về con người và cuộc sống.

2.2. Lối tư duy: sự tương giao vạn vật trong thế giới

Với Bích Khê, thơ không chỉ là nghệ thuật cao quý, tinh khiết của tâm hồn mà còn là một đặc chủng nghệ thuật tổng hợp, có thể dung nạp nhuần nhuyễn các yếu tố tương giao giữa vạn vật. Bích Khê tìm đến sự tương giao giữa vạn vật như một sự thay đổi trong tư duy và sáng tạo thơ.

Đề cao thuyết tương giao vạn vật, tương ứng giữa các giác quan là một trong những kiểu tư duy thơ Bích Khê nhằm bộc lộ nội dung trữ tình. Có thể nói, Bích Khê đã để cho tư duy của mình đi đến tận cùng trong quá trình khám phá và thể nghiệm những cảm giác thần diệu, vươn tới lĩnh vực của con người. Sự tương giao hoà hợp giữa các giác quan được thể hiện khá rõ trong các bài thơ của ông (*Hiện hình, Nhạc, Tỳ bà, Nàng bước tới*,...) nó đã làm cho hình ảnh thơ mang nhiều tầng ý nghĩa; đồng thời, mang đến cho người đọc những cảm nhận mới, những liên tưởng bất ngờ về thiên nhiên, về con người và về cuộc sống.

Sự tương giao giữa cảm giác được Bích Khê thể hiện rất thành công trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Qua thơ, ông đưa người đọc đến với một không gian âm nhạc giàu có với những giai điệu khác thường. Giai điệu ấy có thể là hương thơm: *Ô nàng tiên nương! - hợp nhạc đầy hương (Nhạc)*; cũng có thể là màu sắc: *Ô! Nàng vàng thơm... rung rinh điệu ngọc (Nhạc)*. Có khi lại là cái hé môi đa tình thiếu nữ: *Nường hé môi ra. Bay điệu nhạc/ Mát như xuân và ngọt tợ hương (Hiện hình)*. Với tư duy đề cao thuyết tương giao giữa vạn vật đã đưa thơ Bích Khê đến “và nhạc lúc bấy giờ không còn là nhạc nữa. Nó đã bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tôi, run rẩy hay âm thầm

nức nở, lạnh lạnh như giọng cười, mon man như ân tình dò hỏi..."⁽⁷⁾.

Có thể nói, Bích Khê đã đi đến cùng trong quá trình khám phá và thể nghiệm những cảm giác thần diệu, vươn tới linh giác của con người, ông luôn mở rộng các giác quan tinh tế để cảm nhận thế giới và chỗ nào các giác quan dừng lại thì ông dùng đến trực giác và trí tưởng tượng mạnh mẽ để khám phá những bí ẩn hàm chứa trong sự vật. Trong tư duy cảm nhận thế giới, ông luôn khao khát tìm kiếm sự hoà hợp giữa con người và vũ trụ, sự hoà âm giữa sắc màu, hương thơm, ánh sáng và giai điệu,... do đó, sự tương giao tràn ngập trong thơ ông, nó trở thành một hệ thống, điệp khúc cứ âm vang trên những trang thơ: *Gió thiết đa tình hôn mặt hoa/Thơ tho mùi thật bất say ngà/Gió đi chơi với trong khung trắng/Lộ nửa vãn thơ, nửa điệu ca.* (Hiện hình). Trước tư duy và cảm hứng đó, chúng ta cảm nhận thấy con người và thiên nhiên như hoà vào, đưa nhau vào chốn thần tiên, thơ mộng: *Một người thiếu nữ hiện trong trăng/ Khăn hồng chùi lệ ngân đôi mắt/ Da thật phớt bầy ý tuyết băng.../ ... Tiếng ngọc, màu trắng quán quýt nường* (Hiện hình); *Giai nhân hiện dưới bóng hồng nga* (Mộng lạ); *Vài chút trắng say động ở làn môi* (Tranh loa thế).

Bằng lối tư duy và con mắt của một cây bút tượng trưng, Bích Khê đã nhìn thấy mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, giữa chúng luôn có một môi tương giao hoà hợp. Sự tương giao hoà hợp này được thể hiện khá rõ trong các bài thơ của ông, nó đã làm cho hình ảnh thơ mang nhiều tầng ý nghĩa, đồng thời mang đến cho người đọc những cảm nhận mới, những liên tưởng bất ngờ về thiên nhiên, về con người và về cuộc sống. Đây là một lối tư duy bất chợt đầy cảm xúc, khó lí giải nhưng lại gợi lên nhiều ám ảnh thú vị đối

với người đọc. Có thể thấy, vạn vật mở ra trước mắt Bích Khê đầu đầu cũng dậy nức mùi hương, âm thanh, ánh sáng,... Những "tạp chất" ấy như ào ra từ hồn phách ông, từ ý nghĩ ông và cứ thế tự nhiên tuôn chảy trong nguồn mạch thơ bất tận.

2.3. Cách tư duy đặc biệt trong việc xây dựng hệ thống biểu tượng

Triết gia Aristote trong tác phẩm *Nghệ thuật thi ca* cho rằng, "Tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng, một vũ trụ siêu thực, một vũ trụ có ý nghĩa trong tính cách phi thực của nó. Hơn đầu hết, biểu tượng là điều kiện của thơ, lý do tồn tại của thơ, biểu tượng chính là thơ"⁽⁸⁾. Ý thức được điều đó, các nhà Thơ mới Việt Nam, trong đó có Bích Khê đã thắp sáng thế giới bằng sức mạnh của biểu tượng. "Bích Khê đã phát ra một rung động mới mẻ và thường dùng những biểu tượng để diễn tả những hình ảnh và những ý tưởng khác lạ có đủ ma lực để gợi ra hay làm sáng tỏ đối tượng"⁽⁹⁾. Bằng trực giác bí ẩn cùng với lối tư duy thơ khác lạ, Bích Khê đã xây dựng hệ thống biểu tượng đặc sắc nhằm tăng cường khả năng gợi cảm và biểu đạt của tiếng nói thi ca. Có lẽ, Bích Khê là người tiên phong trong việc sáng tạo biểu tượng cho thơ, ngoài những biểu tượng quen thuộc, Bích Khê dụng ý xây dựng hệ thống biểu tượng độc đáo mà trong làng Thơ Mới chưa có ai sử dụng. Những biểu tượng của Bích Khê luôn hàm chứa một sức nặng ý nghĩa ngầm ẩn, đặc biệt có khả năng khai thị thế giới. Biểu tượng trong thơ tượng trưng Bích Khê không xuất hiện rời rạc, đơn lẻ mà có tính hệ thống, đan xen vào

⁽⁷⁾ Hàn Mặc Tử, *Bích Khê - Thi sĩ thần linh* - để tựa tập thơ Tinh huyết (Bích Khê một trăm năm, 2016) Nxb, Hội Nhà văn, tr.228.

⁽⁸⁾ Aristote (2007), *Nghệ thuật thi ca*, Nxb. Lao động, tr. 314.

⁽⁹⁾ Huy Minh, *Những khuynh hướng trong thi ca Việt Nam 1932-1963*, (Bích Khê một trăm năm, 2016) Nxb. Hội Nhà văn Việt Nam, tr. 246.

nhau tạo nên sự đa nghĩa, lung linh, mờ ảo, khó nắm bắt. Chính vì thế, nó gọi lên những liên tưởng, những tiếp nhận khác nhau, mời gọi “những cuộc thám hiểm kì thú” vào thế giới ngôn từ. Trong hai tập thơ *Tinh huyết* và *Tinh hoa* của Bích Khê (gồm 75 bài), tác giả nhận thấy, ở bài nào, câu thơ nào, hình ảnh nào cũng tìm ra được ý nghĩa biểu tượng trong đó. Qua thống kê và phân loại, tác giả chia ra các hệ biểu tượng độc đáo như sau: hệ thống biểu tượng mộng ảo; hệ thống biểu tượng màu sắc; hệ thống biểu tượng “sáng loáng tợ trần châu”; hệ thống biểu tượng nhục thể; hệ thống biểu tượng kinh dị; ... Quả thật, với cách nhìn vạn vật trong sự tương giao và lối tư duy giàu sức biểu cảm, khiến biểu tượng trong thơ Bích Khê trở nên đa nghĩa, mang ý nghĩa là “biểu tượng trùng phức”. Với tư duy trong việc coi trọng biểu tượng, Bích Khê đã xây dựng hệ thống biểu tượng phong phú, đa dạng và độc đáo. Chính sự phong phú, đa dạng và độc đáo đó đã làm nên một thế giới nghệ thuật thơ Bích Khê với những đặc điểm rất riêng, cuốn hút người đọc. Đó là một thế giới của ảo mộng và thăng hoa của tâm hồn, của sự tương ứng, giao hoà giữa vạn vật, là sự tương giao giữa hương thơm, âm thanh, ánh sáng và màu sắc: *Gió thiết đa tình hôn mặt hoa/Thơm tho mùi thịt bắt say ngà/Gió đi chơi với trong khung trắng/Lộ nửa vầng thơ, nửa điệu ca* (*Hiện hình*); *Trăng gây vàng, vàng gây lên sắc trắng/Của gương hồ im lặng tợ bài thơ.../...Trăng gây vàng, vàng gây lên sắc trắng/Của hồn thu đi lạc ở trong mơ* (*Mộng cầm ca*); *Có đôi mắt biếc của mùa thu* (*Người say rượu*); *Cặp mắt mùa thu đương đắm si* (*Châu*). Đó là thế giới thanh khiết “sáng loáng tợ trần châu”: *Hồi đôi mắt! Nơi người là ngọc, Hồi đôi mắt, châu bầu của muôn đôi* (*Đôi mắt*); *Lệ tích lại sắp tuần hàng dĩa ngọc* (*Tranh loã thể*);

Tôi đã hôn lên đôi mắt thơ/ Rồi mang đôi mắt ở trong mơ/Giờ đôi mắt hiện xanh như ngọc/Ánh hôn tôi đến ngất ngư (*Châu, III*). Đó là hệ thống biểu tượng về màu sắc lạ, màu sắc ấy gắn liền với những huyền thoại và những vật liệu cao quý: *Lam nhung ô! Màu lưng chừng trời/ Xanh nhung ô! Màu xanh nơi nơi* (*Hoàng Hoa*); *Lầu ai ánh gì như lưu ly/ Nụ cười ai trắng như hoa lê* (*Nghê thường*); *Chao ôi, thế giới ánh bao la/ Màu trụy lạc vờn trong không khí mộ* (*Cô gái ngây thơ*). Đó là hệ thống biểu tượng về nhục thể: *Những vú nõn: đôi cong thon nho nhỏ/Với đôi dòng suối sữa trắng như tinh* (*Sắc đẹp*); *Hai vú vàng! hai vú vàng! chao ôi/ Cho tôi nút một dòng sấm ngọt lộng* (*Tranh loã thể*). Đó là hệ thống biểu tượng về kinh dị: *Những đầu lâu rã hết khí xanh dòn/ Những xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng/Cả địa ngục đi vào trầm lỗ hồng/Bắt tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương* (*Châu III*); *Ôi! Sợ người! Sợ người!- Gương phép tắc* (*Sợ người*); *Ừ, tội chỉ ta không vào địa ngục* (*Ấn mây*).

Để xây dựng thế giới biểu tượng, Bích Khê rất chú trọng tới việc sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật và kết cấu của tác phẩm. Ông đã sáng tạo nên một lớp ngôn từ khá độc đáo: lớp từ gợi sự tương giao cảm giác, lớp từ gợi đến một thế giới huyền diệu và đặc biệt là lớp từ diễn tả hành động, cảm giác nhục thể. Đây là một hệ thống ngôn từ được chất lọc, lựa chọn kĩ càng gắn với một hệ thống ngữ nghĩa mang đậm dấu ấn riêng, thể hiện một quan niệm, một cảm hứng, một phong cách thơ. Nhờ việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật này mà đã mang lại cho thơ Bích Khê một thế giới biểu tượng trùng phức, đa nghĩa. Bên cạnh đó, kết cấu tác phẩm cũng góp phần không nhỏ vào việc xây dựng thế giới biểu tượng. Tổ chức bài thơ theo lối tượng trưng hoá đã thể hiện

được ý đồ nghệ thuật của tác giả, làm cho thơ ông có sự nhất quán trong việc xây dựng các biểu tượng. Cách sử dụng nhạc tính ở trong thơ ông cũng đa dạng, độc đáo, biến hoá linh hoạt, phù hợp với nội dung biểu đạt và cảm xúc tự nhiên, do đó nó có vai trò đắc lực trong việc xây dựng nên các hình ảnh mang tính biểu trưng cao. Chính những lối tư duy trong việc xây dựng hệ thống biểu tượng đã mang lại cho thơ Bích Khê một diện mạo riêng, góp phần làm giàu cho vốn từ vựng tiếng Việt.

2.4. Tư duy trong câu chữ, nhịp điệu

Trong tư duy nghệ thuật, Bích Khê là người thường trực ý thức về duy tân câu chữ và nhịp điệu trong thơ; vậy nên, Bích Khê có hẳn một bài thơ lấy tên *Duy tân*, có lẽ đây chính là sự “đổi mới tư duy” thơ của Bích Khê. Nội dung *Duy tân*, hẳn mang chủ định đổi mới rõ rệt của Bích Khê: *Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới/Cửa lời thơ lồng đẹp. Hạt châu trong/Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng/Trần âm hưởng như chiều thu sóng nằng/Trong vòm xanh. Màu cười màu, bình lặng; Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm/Chữ điểm khắc, tia nghệ thuật sâu cảm/Đầy thắm mỹ như một pho thần tượng/Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng; Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ/Tôi cần vào trái bồ vỏ xanh mơ/Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc/Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tán mác/Mộng?/Thiên tài?/Trên hỗn độn khoả thân (Duy tân)*. Đây là một kiểu tư duy thơ từng có trong thơ phương Tây, nhưng với Việt Nam, quả là mới lạ. Kiểu tư duy này không còn chú ý đến trật tự ngôn ngữ và ngữ pháp thông thường mà ngược lại, tác giả cố ý đảo lộn, xáo trộn ngữ nghĩa, gây “vấp” trong cảm nhận, làm tăng sự chú ý, liên tưởng của người đọc. Rõ ràng, Bích Khê có hẳn cả một chiến lược về tư duy thơ, chẳng hạn: lối diễn đạt nhiều

lớp: *Bóng yên hoa, màu khiêu vũ, mây phủ quý, bả phủ vân (Đêm khuya nghe chuông);* lối diễn đạt “tích hợp” nhiều cảm giác: *Tôi muốn nghe đôi mắt/ Chứa cả một hồ thu (Thu);* lối diễn đạt dung dị, như một tâm sự: *Thư chị đêm nay đường nhớ quá/ Dưa thư hồng nhận biết mang không/ Một nhành mai trắng rung rinh ngọc/ Đôi cụm sao vàng lớt đót bông (Gửi Liên Tâm);* lối diễn đạt mang nặng cảm thức nội tâm: *Đêm nay ta nhạt hoa trắng rụng/ Những cánh đau thương sắp mất lâu (Nhật hoa), Rồi những mùa thu vô hạn thương/ Trở về dưới biếc chập chờn hương/ Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ/ Muốn thổi tiêu vàng giữa khói sương (Năm mội); Là lúc đêm về trên mái ngói/ Những nhành nhãn muện cánh dơi bay (Lãng em)...* Chính vì lối tư duy khác lạ, với chủ trương xây nên một tòa kiến trúc lồng lẩy về thơ, vậy nên bước vào thế giới thơ Bích Khê là bước vào “ngôi đền” thiêng của thi ca, nhưng càng đi càng thấy tiếng vọng của cuộc đời đã ở xa lắm. Bích Khê đã dẫn ta đi vào chốn thiên thai đầy những vật hoa vàng quên lãng nào đó, thì phải.

Với lối tư duy hiện đại, thì Bích Khê thật đẹp và lạ, thật quý và hiếm trong lịch sử thơ ca Việt Nam. Ông muốn *Duy tân*, để có một thứ thơ khác: *Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới/ Cửa lời thơ lồng đẹp. Hạt châu trong (Duy tân);* Thơ ấy sẽ là nhiếp ảnh: *Đường nhiếp ảnh sắc khua màu, tiếng thở (Duy tân);* và cũng là hội họa: *Hội họa đến muôn đời nức nở (Duy tân);* Là âm nhạc: *Ròng âm nhạc của lòng trai ấp má (Duy tân);* Là điêu khắc: *Đầy thắm mỹ như một pho thần tượng (Duy tân);* Là vũ đạo: *Múa song song khiêu vũ giữa đêm hồng (Duy tân);* *Mỗi hỗn độn đẹp xô bồ say dậy /Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu thương (Duy tân)...* Nhưng cái mới ấy có nền, có gốc: *Và mới mẻ, trên viên cổ*

Đông Phương/ (Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật?) (Duy tân).

Bích Khê *Duy tân* trong từng câu chữ. Câu, với Bích Khê không chỉ là đường thẳng, đường cong, là sự sắp xếp của từng con chữ, mà còn là *Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới/ Cửa lời thơ lồng đẹp. Hạt châu trong (Duy tân).* Việc “Tổ chức thế giới nghệ thuật dựa trên đặc tính âm học của ngôn ngữ, lời thơ là một khía cạnh quan trọng của tư duy thơ”⁽¹⁰⁾. Bên cạnh đó, Bích Khê còn có sự duy tân thơ trong lối tạo *câu thơ tương hợp* - là loại hình câu thơ hàm chứa nhiều phạm trù khác nhau của cuộc sống: *Trắng gầy vàng, vàng gầy nên sắc trắng (Hoàng hoa); Gió đi với gió trong khung trắng (Hoàng hoa).* Loại hình những câu thơ này là kết quả của quá trình ảnh hưởng thuyết tương hợp của chủ nghĩa tượng trưng Pháp, mà trước hết là sự tương hợp giữa các giác quan: *Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm / Nàng là hương hay nhan sắc lên hương (Tranh lơ thơ).* Chính sự kết hợp táo bạo này đã biến cái không thành có, cái vô hình thành cái hữu hình, mở ra một thế giới vô tận, khiến độc giả không còn bận tâm với việc truy tìm nghĩa; có chăng, hãy để hồn mình hòa điệu cùng “kiến trúc đầy âm vang” của “thi sĩ thần linh”, chúng ta sẽ có tất cả.

Bích Khê tư duy thơ trong *Nhạc*. Nhạc tính nổi bật nhất trong thơ Bích Khê là nhạc tính của thơ bình thanh. Bích Khê dùng vần bằng không phải chỉ là sự thể nghiệm mà là có sự chủ ý, chủ lực, chủ trương tạo hẳn một thể loại thơ đầy ấn tượng. Thi nhân đã khoác cho thơ một bộ cánh âm thanh mượt mà, chơi vơi, diễm ảo, đầy cảm xúc người đọc vào cõi sương khói, thực- hư: *Tôi qua tìm nàng vay du dương /Tôi mang lên lầu lên cung thương/Tôi không bao giờ thôi yêu nàng/ Tình tang tôi nghe như tình lang (Tỳ bà).*

Đặt trong dòng chảy về nhạc tính trong

thơ “Lời nhạc là dòng dõi của thơ, lời thơ là họ hàng của nhạc”⁽¹¹⁾ chắc chắn chúng ta thấy rõ tư duy thơ Bích Khê là một điều đặc biệt. Sự thể hiện nhạc tính trong thơ Bích Khê vô cùng phong phú, đa dạng và mới lạ. Thành công này là cả một quá trình bắt nguồn và nuôi dưỡng tư duy về vốn nhạc tính truyền thống của thi ca dân tộc, bằng sự tiếp thu tinh hoa thi ca Pháp và sự ý thức về ngôn từ một cách sâu sắc của thi nhân. Với tập *Tinh huyết*, Bích Khê có hẳn ba bài thơ bình thanh: *Hoàng hoa, Tỳ bà, Nghệ thường*; ngoài ra, chưa kể đến những câu thơ bình thanh nằm rải rác trong tập thơ: *Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng/ Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mệnh mỏng (Tỳ bà).*

Bích Khê tư duy thơ trong lối tạo hình. Hình trong thơ Bích Khê không còn là hình vật lý nữa, nó đã là *Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới (Duy tân).* Thơ Bích Khê mang chất hội họa mới, hội họa hài hòa kiểu hiện đại- có bất hòa trên bề mặt, để đi tới thống nhất trong bề sâu: *Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm/ Chữ điêu khắc, tia nghệ thuật sâu cam /Đầy thẩm mỹ của một pho thần tượng/ Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng/Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng... (Duy tân).*

Hoa trong thơ Bích Khê là một thế giới được triết để xếp đặt lại bằng cái “ta”, bằng cái chủ quan nhà thơ; là bằng “nức nở”: *Hội hội hoa, đến muôn đời nức nở /Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo ta (Duy tân).*

Với lối tư duy thơ đi từ quan niệm, hình thức, nội dung, câu chữ, Bích Khê đã tạo ra một thứ thơ biến hóa, tổng hợp, bí ẩn, giàu sức gợi cảm,... Mỗi bài thơ của Bích

⁽¹⁰⁾ Hoài Thanh - Hoài Chân (1999). *Thi nhân Việt Nam* (Bản in thứ 16), Nxb. Văn học, tr.38.

⁽¹¹⁾ Đỗ Văn Hỷ (1993), *Người xưa bàn về văn chương*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 239.

Khê trong *Tinh hoa và Tinh huyết* là kết quả của tư duy hình, tư duy ý, tư duy nhạc,... và trên cơ sở ngôn từ mới lạ, có khả năng tạo nghĩa, tạo sinh tư tưởng, tạo sinh cấu tứ,... đã làm thành tính triết lý về tư duy độc đáo trong thơ tượng trưng Bích Khê. *Chúng ta vui mừng mà gặp được một hồn thơ dài hơi có thể góp phần to lớn để đưa thi ca tượng trưng đến một nơi cao đẹp*⁽¹²⁾.

3. Kết luận

Tư duy thơ chính là lao động của người nghệ sĩ. Họ tìm cách để phát triển, đào sâu một ý, một tứ để biên độ thơ mở sâu hơn, rộng hơn, chống lại sự sáo mòn, dễ dãi. Khi chúng ta có những nhận xét, so sánh bài thơ này nông cạn, hay trí tuệ, đó chính là cấp độ biểu đạt thất bại hay thành công của mỗi tác phẩm. Một bài thơ được “tư duy” tới nơi, so với một bài thơ viết bằng “cảm xúc” sẽ có sự khác nhau rõ rệt. Có thể nói, với những nỗ lực không mệt mỏi, Bích Khê đã tham dự vào tiến trình “duy tân” thơ Việt, đem đến cho thơ một diện mạo mới. Không chỉ là vấn đề hình thức, cuộc duy tân còn thay đổi từ bên trong, đưa thơ Việt từ bờ lãng mạn sang bờ tượng trưng: *nói đến thơ Bích Khê là nói đến thành công lớn lao trong lãnh vực thơ tượng trưng*⁽¹³⁾. Từ đặc tính tư duy thơ, Bích Khê đã đóng góp một vị trí đáng ghi nhận trong lịch sử thơ ca dân tộc, đặc biệt đối với lĩnh vực thơ tượng trưng. Những tư duy, quan niệm và sáng tạo độc đáo của Bích Khê trong nghệ thuật cho đến nay mãi mãi là “một đỉnh núi lạ”. Có thể nhận thấy, tư duy thơ và thế giới nghệ thuật trong thơ tượng trưng Bích Khê là một cấu trúc thế giới mang tính tượng trưng. Ở đó, ta gặp trong đó một cõi đời đầy mộng ảo xa lạ với cuộc sống hàng ngày, nơi tồn tại phiêu diêu phần tâm linh bí ẩn, là một cõi trời huyền bí của cái đẹp, của thơ ca, của màu sắc, hương thơm,...

Bích Khê thực sự xứng đáng là nhà thơ có những câu thơ hay bậc nhất Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bích Khê (1995), *Tinh huyết*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Bích Khê (2005), *Thơ Bích Khê (tuyển tập)*, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ngãi xuất bản.
3. Nguyễn Thanh Mừng (biên soạn, 1992), *Bích Khê - Tinh hoa và tinh huyết*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (2005), *70 năm đọc thơ Bích Khê*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Nhiều tác giả (2006), *Hội thảo thơ Bích Khê (Tập 1)*, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Ngãi.
6. Nguyễn Toàn Thắng (2007), *Hàn Mặc tử và nhóm thơ Bình Định*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Hàn Mặc Tử (1997), “Bích Khê, thi sĩ sĩ thần linh”, *Tuyển tập phê bình nghiên cứu văn học Việt Nam (1900 - 1945)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. Vương Hải Anh (2007), *Thơ trữ tình Bích Khê*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
9. Trần Thị Lam (2007), *Đặc sắc ngôn ngữ Bích Khê*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
10. Hoài Thanh - Hoài Chân, 1989, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học.
11. Đỗ Lai Thúy (1992), “Bích Khê - Lời truyền sống”, *Tạp chí Văn học*, số 2.
12. Nguyễn Hữu Vinh (1994), *Phong cách thơ Bích Khê*, Nxb. Huế.

⁽¹²⁾ Huy Minh, *Những khuynh hướng trong thi ca Việt Nam 1932-1963*, (Bích Khê một trăm năm, 2016) Nxb. Hội Nhà văn Việt Nam, tr. 258.

⁽¹³⁾ Nguyễn Tấn Long, *Bích Khê* (Bích Khê một trăm năm, 2016) Nxb. Hội Nhà văn Việt Nam, tr.290.